

Từ một bản Nôm cũ, nghĩ về truyện thơ bình dân

Nguyễn Văn Sâm

Nhân lục đồng sách cũ, thấy quyển Thơ Nôm Mã Thành, đọc cũng thấy hay hay, bèn nhìn về nhiều mặt mà quyển truyện đặt ra, như là mặt truyện thơ bình dân và các chữ Nôm Miền Nam...

Nguyên bản Nôm của truyện này có cái tựa rất dài Mã Thành Tân Truyện Tạo Lục Diễn Ca Thi 馬成新傳造錄演歌詩,

khắc bản năm Nhâm Thìn 壬辰. Bản sao chúng tôi có đã bị mất một phần bên trái, chỗ thường đề tên nhà phát hành và nhà tàng bản. Mất, nhưng ta cũng biết rằng đây thuộc nhóm bản văn viết ở Miền Nam, khắc và in ở thành phố Phật Trán, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc khi so sánh cách trình bày, nét chữ khắc với các bản Phật Trán khác. Chi tiết nhà phát hành biết được nhờ cuối tập truyện, trang 35a có hai dòng 廣盛南□售 nhà phát hành là Quảng

Thạnh Nam và 寶華閣藏板 nhà cất ván khắc chữ là Bảo Hoa Các. Như vậy quyển truyện này ở trong nhóm Phật Trán và thời gian xuất hiện của nó cũng đồng thời với những quyển khác cùng loại, cùng nhà xuất bản mà học giới đã xác định là thế kỷ 19.

Năm Nhâm Thìn đề trên bìa phải là 1892. Những năm cuối thế kỷ 19 sự giao thương của vùng Sài Gòn Chợ lớn với Quảng Đông thiết dễ dàng bằng đường biển, khắc in bản Nôm ở miền cực nam Trung Hoa đem về Việt Nam bán khá được cho nên các bản *Nôm Phật Trán* xuất hiện tương đối nhiều, nhiều hơn các nhà xuất bản và khắc ván ở Hà Nội trước đó và sau đó. Thời này là thời vẫy vùng nghiên bút của những ông Duy Minh thị 惟明氏, Minh Chương thị 明章氏 ở Chợ Lớn Xóm Dầu, của Trương Minh Ký 張明記 ở Chợ Lớn Xóm Chợ Quán, của Phiên Thành Phước Trai Tiên Sanh 藩城福齋先生 ở Sài Gòn... vốn nặng tình với văn học Việt Nam và các bản khắc Nôm.

Bên tay mặt của trang bìa còn lại hai hàng chữ Cầu Hiệu Bình Định Long Cư 求号平定隆居 và Mỹ Chiêu Cao Minh Tự

美昭高明序, tôi chưa hiểu nghĩa là gì vì không thấy bài tựa hay dấu tích của sự mất trang...

Do cái nhan đề của bốn thơ quá dài, trong bài này xin tạm gọi là Thơ Mã Thành theo như sự cho biết ở đầu truyện (Mã Thành Tân Truyện 馬成新傳) Tên này là kiểu nói của người bình dân như Thơ Nàng Út, Thơ Trần Minh Khó Chuối, Thơ Chàng Nhái, Phạm Công Cúc Hoa, Lý Công Tân Thơ, Lâm Sanh Xuân Nương... Nhan đề đưa ra *tên nhơn vật chánh* là chuyện bình thường của thời trước đây, còn le lói chút ít tới thời Hồ Biểu Chánh trong các tiểu thuyết của ông, rồi chấm dứt sau đó không lâu. Nhan đề kiểu này quá xưa, chưa nói được nhiều về bốn thơ nên tôi thêm cái tựa Việt Nam thuần túy và mới mới là: Làm Vua Không Ấn, trích trong câu '*Làm vua không ấn trị đời được đâu*' ở tờ 30b. Với cái tựa mới của truyện, người đọc chắc chắn sẽ có nhiều ấn tượng về nó, có thể có những câu hỏi về cốt truyện và có nhiều tò mò hơn để tìm biết sự kiện gì đã xảy ra trong truyện..

Đây là một truyện thơ Nôm *chưa từng* được giới thiệu ở bất cứ sách vở hay tài liệu văn học nào, ngay cả mấy quyển về thư tịch Hán Nôm của Viện Hán Nôm Hà Nội hay của học giả Trần Văn Giáp cũng không thấy nhắc đến. Thầy tôi, Giáo Sư Nguyễn Khắc Kham, khi còn tại thế, sao tặng tôi từ từ sách riêng của Người vào năm 1990, - tiện đây con xin kính lạy biết ơn Thầy - tôi phiên âm cũng đã lâu lắm rồi, có hơn 10 năm trước, nhưng nghĩ là truyện này vẫn chương bình thường, tư tưởng không có gì đặc biệt vì điều gì cũng chỉ được nói phớt qua, truyện cũng không phải là đặc sắc và hấp dẫn... nên trong bao nhiêu năm vẫn dè dặt để nằm đó trong máy vi tính cá nhân. Nay với tuổi đời gần bảy chục, tôi thay đổi lối nhìn về tác phẩm của tiền nhơn, nhất là về các bản Nôm. Truyện có thể không có gì đặc sắc, ngôn từ có thể yếu về mặt văn chương, tư tưởng có thể không có gì mới... nhưng tác phẩm, nhìn trên tổng thể, là một phần *di sản văn hóa* của tiền nhơn để lại. Nó có mặt vì người Việt mình lúc đó thường thức món ăn tinh thần như vậy. Nó có mặt vì người xưa hành xử tương tự như vậy, ăn nói giống giống như vậy. Ta nhìn nó để thấy một trong những khía cạnh sinh hoạt tinh thần của người xưa. Văn hóa, văn học Việt Nam không chỉ nằm trong truyện Kiều, truyện Lục Vân Tiên, Chinh Phụ ngâm khúc... Văn hóa, văn học Việt Nam nằm ngay trong những *tác phẩm bình dân* văn chương lục lục thường tài mà mấy người tân học hiện giờ coi là rơm rác, nằm trong đồng sách bóí toán, sách bàn xâm ông xâm bà, sách tử vi, sách coi tướng gà tướng ngựa, sách nói về phong thổ hay những niềm tin dân gian có tính cách dị đoan mê tín.... Chừng nào mà những quyển sách loại này được

giới thiệu nhiều hơn, có được nhiều người chuyên môn nhiều lãnh vực khác nhau cùng bắt tay nhau tìm hiểu, chừng đó cái quá khứ sinh hoạt của ông cha mình mới có cơ hội được hiểu gần đúng hơn, bao trùm nhiều mặt hơn. Ở đây cũng nên mở đầu ngoặc để nói rõ rằng tôi chủ trương nghiên cứu, phiên âm, dịch nghĩa những sách vở loại này của ông bà mình xưa, nhưng tôi không ủng hộ những quyển sách loại này được viết ra ngày nay, càng không tin tưởng về những điều được nói đến trong đó.

Ta thử tưởng tượng một hãng phim lớn muốn quay một cuốn phim mà bối cảnh thời gian về thế kỷ 18 ở Việt Nam, hay gần hơn nữa là thế kỷ 19, thì người sưu tầm tài liệu cho hãng sẽ ngỡ thế nào khi cả nước đều có kiến thức thật giới hạn về sinh hoạt của dân chúng thời đó. Thế kỷ 19 mà ta còn không hiểu nhiều thì các thế kỷ khác chỉ là những đám mây mờ trước mặt người đời sau. Từ nhận định rằng những gì của tiền hơn để lại cũng đều giúp ta hiểu ông bà mình ngày trước về mặt này mặt khác, tôi mạnh dạn phiên âm những tác phẩm Nôm nào mình có được. Bất kể thuộc về văn học hay không, bất kể được coi là hay hay dở. Bốn thơ Làm Vua Không Ăn này là một, và trong tương lai sẽ còn những bản phiên âm khác, từ những tác phẩm khác thuộc về những thể loại mà trước đây các nhà nghiên cứu thường có khuynh hướng bỏ qua không ngó ngang chỉ tới.

Bốn thơ này gồm 69 trang, đánh số từ 1a đến 35a. Mỗi trang gồm 20 câu (lục bát kể 2). Trang đầu 1a mất hết 2 câu cho cái nhan đề rút gọn mà người xưa đã làm là *Mã Thành Tân Truyện*, trang cuối 35a mất hết 12 câu vì bốn thơ kết thúc ở đây. Vị chỉ tất cả chúng ta có: $(20 \times 69) - (2+12) = 1366$ câu. Nghĩa là một truyện thơ bình thường, không dài hơi như truyện Kiều, nhưng không ngắn quá như Mộng Tiên Ca, Trê Cóc, Trình Thử .. Tác phẩm không dài vì toàn thể bốn thơ hiện diện ở thể *tự sự*, *không có chi tiết đi vào nội tâm*, *cũng không có chuyện tả cảnh thiên nhiên* như các tác phẩm lớn kiểu Phan Trần, Nhi Độ Mai, Hoa Tiên, Kiều. Nghệ thuật tự sự cũng chỉ phiên phiên, nhằm nói chuyện gì xảy ra một cách chung chung, chớ không đi vào những mô tả chi tiết..

Đời vua Hồng vương có ông Mã Năng, làm quan Thái Khanh trong triều, Mã Năng mất đi để lại con trai là Mã Thành mới 16 tuổi và vợ là bà Loan Yên sống trong cảnh nghèo khó, cơ cực. Tuy nhiên bà mẹ khuyên con học hành và cố tìm thầy giỏi để con theo học dầu bà cực khổ vì con cách mấy vẫn cam chịu. Trong lúc đó thì quan Giá Nghị Triệu Tiên - vợ là bà Vương thị - vắng lệnh vua đi ra trấn ải ở phía bắc. Trên đường đi thăm dân tình ông gặp mẹ con Mã Thành. Từng biết tiếng đây là một gia đình trung quân ái quốc giờ sa sút vì người cột trụ gia đình đã tạ thế, quan Giá

Nghị rất mến thương Mã Thành. Ông hứa sẽ gả con gái là Kim Phi cho sau khi Mã Thành thi cử xong. Rồi hai đảng ai lo việc này, Quan Giá Nghị lên đường trấn nhậm, Mã Thành cùng mẹ trèo đèo lội suối đến một vùng có tên là non Bồng, thọ giáo với tôn sư đại tài Lý Cốc chờ ngày đủ lông đủ cánh để ra phò vua giúp nước.

Trong thời gian theo thầy học hành, Mã Thành kết bạn với một người đồng song là Hón Trung Vân, anh em rất tâm đắc. Đây là một thanh niên có tài và cũng trung quân ái quốc như Mã Thành. Vua mở khoa thi để chọn người tài làm Phò Mã, sau này nối ngôi, vì vua chẳng có con trai. Nhờ văn võ song toàn, Mã Thành được chấm đầu, Hón Vân bị Thừa Tướng, một trong hai vị giám quan, đuổi về vì ganh hiềm ghét ngố. Khi theo giám quan về triều, Mã Thành được vua phong cho chức Trạng Nguyên và nói rằng mình giữ lời hứa, sẽ gả Công chúa cho.

Bồng châu có giặc ở biên thù, vua dẹp chuyện gả bán sang một bên và sai Trạng Nguyên cùng với quan Giá Nghị tức thời đi bình giặc.

Ở triều đình, Thừa Tướng Trịnh Oai cậy thế có hai em là kẻ kỳ tài nên liên lạc với Phiên bang để cướp ngôi vua. Vua Hồng Vương may nhờ hoạn quan phò giá trốn chạy kịp lên non ty nạn. Công chúa, trước khi phò Hoàng Hậu chạy trốn đã kịp thời lấy ấn tín hoàng triều đem theo mình. Tuy nhiên vì Công chúa và phụ hoàng hai đảng chạy trước sau nên lạc nhau. Vua Hồng vương lên tới non Bồng thì gặp Hón Vân rồi tạm trú ở chỗ tôn sư. Lúc này Thừa Tướng đã lên ngôi và đang củng cố quyền hành bằng cách sai hai em trấn thủ ở các chỗ hiểm yếu còn mình thì liên lạc chặt chẽ với Phiên bang. Lúc này thì quân của Phiên bang đã tràn tới nơi đang ở của nàng Kim Phi và bà Vương thị. Tuy là phận gái nàng cũng cầm binh ra cự địch được một hai trận rồi vì cô thế nên nghe lời mẹ rút lui về phía sau.

Công chúa và Hoàng Hậu chạy lạc lên rừng ở đùm đậu với một cặp vợ chồng tiều phu già. Công chúa làm bạn với con gái tiều phu là nàng Mai Trinh, cũng là một kỳ nữ có tài, có phép. Hoàng Hậu ở đây một thời gian thì hạ sanh Hoàng Tử với sự chăm sóc tận tình của gia đình tiều phu. Một hôm Hón Vân đi săn bắn lạc đường đến địa phương của lão tiều. Sau khi nói chuyện với lão tiều, Hón Vân biết rằng Hoàng Hậu và Công chúa đang nấu nướng ở đây nên đề nghị hướng dẫn hết gia đình hoàng gia này về với vua Hồng vương. Mai Trinh và vợ chồng lão tiều vì quyền luyến cũng đi theo tiễn đưa đến tận nơi.

Bảo Giá và Trạng Nguyên ở chỗ trú quân nghe tin vua đã bỏ trốn, nước nhà biến động, ngôi vua đổi thay, bèn bàn nhau bỏ trại, kéo quân lên núi. Trạng Nguyên nhớ tới bạn học kết nghĩa

Hớn Vân ở đây nên hướng dẫn Bảo Giá lên chỗ của bạn, của thầy. Nhờ quyết định này mọi người lại gặp nhau đầy đủ. Vua và gia đình, người ơn của Hoàng Hậu và Công Chúa, hai tướng thân cận của vua, nhơn tài Hớn Vân cùng nhau sống ở nơi an toàn dưới sự hướng dẫn của tôn sư, sẵn sàng phản công phe cướp quyền. Trước hết để thu phục lòng người, vua tứ hôn cho Trạng Nguyên với Kim Phi, đồng thời gả thêm Công chúa theo như lời đã hứa. Vua cũng phối hợp Hớn Vân với nàng Mai Trinh, cô con gái của lão tiều.

Chuyện nhà xong là chuyện nước. Với tài năng của một tướng già lãnh đạo và năm tướng trẻ - hai nam ba nữ quyết tâm - phe phục quốc thắng thế trong thời gian ngắn. Các em của Trịnh Oai lần lượt bị giết chết, tướng Phiên được phái sang ủng hộ phe này cũng mất mạng luôn. Trịnh Oai như con chim đại bàng bị vật lông cắt cánh, trở thành con gà yếu nhót bị dân chúng cùng triều thần của mình bắt giao cho phe đang thắng thế để mong nhận được chút ân sủng muôn màng. Sau đó là sự lên ngôi của Hoàng tử với sự phong chức nọ chức kia cho những người có công phục nghiệp. Trịnh Oai được vị vua trẻ tha tội cho về quê nhà nhưng đang đi nửa chừng thì bị Thiên Lô đánh nát thân, kết thúc tất nhiên cuộc đời xấu xa của kẻ đoạt ngôi, làm vua không ần tín. Vua Hồng vương, giờ là Phụ Hoàng lên núi cất chùa tu hành. Ở biên thùy quân Phiên thừa dịp tấn công nhưng bị Văn Minh, tức Hớn Vân, dẹp tan, Phiên chúa thân phục, đồng ý mỗi năm cống sứ và giữ tình giao hảo. Nước nhà hùng cường, nhơn dân sống lại cảnh thái bình. Đời thanh trị được tái lập từ đây.

Câu chuyện quả nhiên nhiều tình tiết. Có điều là những tình tiết này na ná với những tình tiết trong những tác phẩm khác, mỗi nơi một chút ít. Thừa Tướng dựa vào hai em thông đồng với Phiên bang để cướp ngôi ta thấy trong nhiều tuồng hát bội, đặc biệt là tuồng San Hậu. Chuyện Trạng Nguyên có hai vợ, vợ thứ nhì là Công chúa cũng thấy nhiều. Thủ lãnh phe cướp ngôi sau khi vây cánh bị tía hết lại được tha về quê quán cuối cùng thiên lô sẽ là cán cân đúng nhứt cho người phản bội cũng thấy nhan nhản mà một hình thức biến dạng là mẹ con Thử Loan trong truyện Lục Vân Tiên. Vua cha sau thời gian lưu vong cay đắng, rục rĩ trở về với phe chiến thắng rồi lại nhường ngôi để đi tu ta cũng thấy thường thường, gần như trong bất cứ truyện thơ nào.

Tất cả những chi tiết đều không mới. Có chăng là sự *đan chéo, kết hợp* với nhau của những sự kiện để thành *một câu chuyện hữu lý, hấp dẫn* người đọc. Có chăng là cách kể chuyện nhẹ nhàng vừa tầm học vấn của đa số người lưu dân tay lấm chơn bùn số vốn văn chương điển tích không nhiều cho đến cuối thế kỷ 19 ở Miền Nam...

Mặt tích cực khác của tác phẩm ai cũng biết là *tình mẹ con* (Loan Yên đối với Mã Thành), *lòng người hiếu tử* (Mã Thành đối với mẹ), *tình bạn* (Hớn Vân-Mã Thành), *lòng thương người cơ lữ* (vợ chồng tiều phu với Hoàng hậu), *tình vợ chồng* (Trạng Nguyên và vợ), *sự tương nhượng cần thiết* (Công chúa đối với Kim Phi), *lòng trung quân ái quốc* của tất cả mọi người và nhứt là *sự quyết tâm trong việc phục hồi vương nghiệp* cho dòng chánh thống. Kết luận có hậu và kết quả tất yếu của hai phe chánh tà cũng là điều chờ đợi thích thú của người xưa. Tôi nghĩ hành xử của người Việt Nam ở 2, 3 thế kỷ trước phần nào chịu sự dẫn dắt của những tác phẩm loại này: Trung ngay rồi sẽ thành công vinh hiển, tà vạy đắc thời giai đoạn ngắn rồi cũng tiêu vong trên đường dài thời gian.

Có thể người thời nay không thấy bị thuyết phục do cái triết lý sống có vẻ chịu đựng theo cái gọi là mệnh trời như vậy. Người sau không đồng ý với người trước đó là sự tiến hóa phải có của lịch sử thôi. Nhưng người Việt Nam xưa đã tin như vậy, đã sống như vậy. Lịch sử Việt Nam đã được viết bằng những niềm tin như vậy. Con người tin tưởng thiện ác đáo đầu sống đời sống nhơn bản và có thiện tâm. Những tác phẩm phụng sự cho cách ở đời kiểu này không thiếu. Có thể nói là toàn thể truyện bình dân Việt Nam, toàn thể tuồng hát bội.. Sở dĩ hai thể loại hình văn học này ít người biết đến vì một thứ không được đặt vào chương trình học như một trọng tâm và thứ kia khó quá cao kỳ quá người đọc nếu không có cơ sở Hán văn vững khó lòng lãnh hội.

Trở về thơ Mã Thành. Tôi tâm đắc mấy câu hàm chứa ý tứ thâm trầm và nhờ đó chúng ta ngày nay có thể thấy được những khía cạnh đặc biệt trong tư tưởng người xưa: *Suy phân nhơn nghĩa giàu sang làm gì* khi Công chúa nói với Kim Phi để gián tiếp chấp nhận mình làm vợ kế. *Mộ phần nằm đó đã dành, Mẹ theo con trẻ non xanh bằng ngàn* khi bà mẹ cắt nghĩa cho con trai là không cần gì phải lo lắng cho mộ phần của người cha, bà sẽ theo con lên núi, con học hành cần thiết có bà bên cạnh. *Tử sanh cũng có một lần chớ nghi* khi bà khuyên con nên xuống kinh đô giúp nước, bà già rồi ở lại trên non sống hết tuổi già cũng chẳng sao. Tuyệt đỉnh của sự khuyên đến thành rắn đe của bà là đòi tự tử: *Nhược bằng còn cãi thời tao bỏ mình. Làm vua không ấn trị đời đặng đâu* là câu nói của tác giả nhận xét về sự xụp đổ vương triều tân chánh họ Trịnh, một vương triều tạo dựng trên sự phi nghĩa; không ấn tín như là sự xác nhận rằng tuyệt đại đa số nhơn dân quay mặt đi không ủng hộ. Ấn tín đây chỉ là một chữ tượng trưng cho lòng dân, lòng trời. *Cùng nhau chạy tới mà đền ơn xưa* là cảnh những người dân làng tới giúp việc tang sự cho mẹ con Loan Yên khi chồng bà tạ thế, bà đang lâm vào vòng túng bấn. *Bỏ mà đi học con thêm lỗi nghi* là lý

luận của người con đang phân vân giữa chữ hiếu và chữ công danh nhưng trong thâm tâm anh cảm nhận lòng hiếu tử nặng hơn, đang muốn bỏ cơ hội tạo sự nghiệp để được chăm sóc mẹ. *Chị em xin ở cho hòa* là lời dạy dỗ của người cha với đứa con gái khi con mình chấp nhận lép vế lấy chồng chung và chịu làm kẻ đến sau. Bao nhiêu là gợi ý, bao nhiêu là gương tốt của cách sống đứng đắn từ những câu trên! Một tác phẩm có được bao nhiêu đó tôi nghĩ là quá đủ. Phần văn chương chải chuốt, điển tích thâm thúy, từ ngữ cao sang, hô ứng tiểu đối... là món ăn cần thiết của tầng lớp nho sĩ, không là chất bổ dưỡng văn nghệ đối với lưu dân vừa mới định cư của đồng bằng Nam Bộ. Tôi muốn nói phần văn chương được xếp đặt vào thứ hạng bình dân của tác phẩm này không có giá trị như *dấu phê liệt* trên một bài thi.

Quyển truyện mang vết tích của những chữ dùng thiệt là bình dân nhưng rất thân thương, đã có mặt và được sử dụng tài tình lúc đó. Vì nó bình dân nên trường tồn, cho tới bây giờ những từ đó vẫn còn sức sống mãnh liệt ngay cả trong cuộc đời thường: *vòng vòng* (Nói thôi nhớ tới vòng vòng), *làm thình* (Xuống thi chẳng được làm thình trở về, Mã Thành nghe nói làm thình), *bị lấy* (Chẳng qua bị lấy giặc Phiên, Bởi vì bị lấy lũ gian)...

Truyện Kiều có câu: *Khách qua đường để hững hờ chàng Tiêu*. Trong bao nhiêu năm dạy ở Trung học và Đại Học tôi chưa từng nghe câu trả lời đúng khi bất chợt hỏi một học sinh hay sinh viên nào đó. Tất cả đều nói rằng người qua đường hững hờ không ngó tới chàng Tiêu. Thật sự không phải vậy. Bỏ qua phần điển tích không cần biết, cả câu chỉ có nghĩa là người ta hững hờ với chàng Tiêu, coi anh như khách qua đường thôi, không quen biết, chẳng cần quan tâm. Trong Thạch Sanh Lý Thông có câu *Lạy ông xin lương trở về/Tôi chẳng dám đánh hồi triều đường xa* cũng làm cho người đọc bây giờ ngỡ ngàng khi phân tích bằng văn pháp hiện đại. Trong Làm Vua Không Ăn cũng có nhiều câu dễ hiểu lắm như vậy. *Ta đây muôn tướng không bì/ Tài chi em bậu dễ khinh bỏ mình*. Câu này dễ bị hiểu lầm chủ từ của bỏ mình là ta. Thật ra phải hiểu: ta đây tài giỏi vô song, em gái mà tài cán bao nhiêu, khinh dễ ta thì có mà chết. Câu *Tướng là Phiên tướng phép linh bay vào* cũng dễ bị hiểu lầm thành tướng Phiên tướng có phép linh nên bay vào. Thật ra là tướng phép linh của Phiên tướng bay vào. Câu dễ hiểu lắm nhứt là *Hai chàng bước lại khấu đầu/ Lạy thầy sắm sửa kíp mau tựu trường*. Ai sắm sửa?

Vấn đề là thơ nói ít đã đành, đảo ngữ đã đành, còn có điểm người xưa viết câu văn với chủ từ không rõ ràng, hiểu theo văn phạm ngày nay dễ đi đến lầm lẫn. Tôi cho rằng đây không là khuyết điểm, đây là *sự có mặt một thời của một cách thể sử dụng*

ngôn ngữ. Thời đó người ta nói như vậy đó, chịu không chịu gì nó cũng đã có mặt và bốn phần người đời nay là công nhận sự hiện diện đó như là một đặc tính mà không gắn thêm giá trị hay dở gì vào đó.

Khi đọc bốn truyện này, điều nhận xét đầu tiên của bất cứ ai là văn chương nô nê quá, bình dân quá, câu cú không mượt mà chải chuốt chút nào. Đồng ý như vậy, nhưng yếu tố gì tạo ra sự bình dân này? Tôi thử đi tìm và thấy mấy yếu tố quan trọng sau:

- a. Sự lặp lại nhiều từ đặc ý của tác giả, chẳng hạn như *thốt thôi, châu trần, rõ ràng, vậy mà, này đoạn, phút đâu, ân cần, vuông tròn, ai hoài, âm hao, bấy chầy, chứa chan, bồi hồi, vân vi, rất đành, hôm mai*. Người đọc thấy lặp lại đến quen mắt quen tai rồi đi đến nhàm chán.
- b. Ít ý nhiều lời. Một ý chỉ cần cô đọng thành một hai câu là đủ, tác giả nhiều khi kéo đến cả chục câu. Người ta gọi là dài dòng rườm rà. Sự dài dòng đó có mặt suốt tác phẩm. Chuyện gì tác giả cũng như là sợ người đọc không hiểu nên nói đi rồi nói lại.
- c. Có những từ đệm không cần thiết mà giới nho sĩ khi sáng tác tránh sử dụng: *một khi, vậy mà, thôi mới, vậy thời, tức thời, thay là, bằng nay, trước sau, sau trước, vội vàng, mới hay, đuôi đầu, ngày rày, đổi này, bèn* [bà bèn, chơn bèn, chàng bèn, nàng bèn..], *thôi* [vái thôi, làm thôi, ở thôi, con thôi..], *mà* [ngồi mà, vái mà, khéo mà, rước mà, trời mà, con mà, lạc mà, ở mà, mà đền ơn xưa...], *mới* [mới hay, mới nói, mới kể, mới trở vô..], *rày* [tôi rày, ngày rày, vua rày, rước rày, lạy rày...], *là* [xưng là, là hiệu..], *thời* [vua thời, thôi thời, nhà thời..]
- d. Sự so sánh không thi vị và hình ảnh được nhắc đến bình thường như cuộc đời thực tế trước mặt, chẳng hạn *nước mắt như mưa, lệ nhỏ như chình nước nghiêng, như cành sứ chờ ngày nở bông, như rồng lên mây, như trăng chưa tròn...* không có những so sánh kiểu quý phái *như nước mới sa, như tiếng hạc bay qua..* là những hình ảnh trù tượng hơn nhiều. Thêm vào đó là những *cử chỉ quá đáng* của nhân vật: *quỳ lạy sứt sùi* để tỏ lòng biết ơn, khóc lóc khi phải chia tay, vua lại như nít nhỏ vô tay reo cười trước mặt bề tôi....
- e. Văn điệu thường là *không chính*. Thơ lục bát đa phần vẫn ở chữ thứ sáu của câu bát, nhưng rất nhiều khi vẫn bị chuyển xuống chữ thứ tư, thậm chí chữ thứ 2. Nhiều khi vẫn cũng bị chuyển lên ở chữ thứ 7. Sự gieo vần tùy hứng và không

chính này hiện diện do tác phẩm được sáng tác bằng trí nhớ, bằng miệng ứng trước khi được chuyển thành văn bản.

Truyện có đầu phép linh, có hóa nước phủ ngập, hóa lửa đốt cháy, hóa núi rừng phủ vây, .. có rồng hiện lên múa nanh vuốt đánh lại kẻ dữ cứu vua, có thiên lôi trừ kẻ bạo ngược, có tôn sư đoán biết vị lai... những điều này thỏa mãn ước vọng thoát ra khỏi cảnh cùn mẫn, bất lực trước thực tế cực nhọc buồn tẻ của đời người dân trên vùng đất mới. Những điều này cũng là vết tích còn lại của nguyên truyện mà người mô phỏng thấy hợp với nhân tình nên đã được trân trọng giữ lại. Đó là điều thật bình thường, ăn khách vì những tác phẩm nổi tiếng đồng thời đều có ít nhiều những yếu tố này: Thạch Sanh Lý Thông, Lục Vân Tiên, Lý Công...

Như đã nói, tác phẩm này chứa đựng một số từ cổ. Ta hiểu được những từ cổ này khi dùng các quyển tự điển của thế kỷ 19 hay suy đoán so sánh với những từ như vậy trong các tác phẩm khác. Đại khác có thể kể: *thốt đoạn* (nói về), *chức thăng* (chức lớn), *không đương* (không so sánh được, không so bì được), *danh biêu* (danh rạng rỡ nhiều người biết), *xéch xác* (rách nát, ngã đổ), *não nông* (buồn bã), *đổi này* (lúc này), *bấy chầy* (lâu nay), *dám từ* (không dám từ chối), *tác cao* (tuổi lớn), *đi nhằm* (đi đúng vào chỗ), *hòa hai* (cả hai), *quốc gia* (người của chánh quyền, người giàu có), *phường rầy* (người dân, người nghèo), *qua trèo* (đi thoát ra), *thừa* (của), *lung* (dữ tợn, nhiều lắm), *thử tình* (hiện tình), *chử dạ* (giữ lòng trung chính), *ca tay* (ở trong tay), *nấy chức* (đưa chức cho, phong chức cho), *làm song* (kết thành đôi). Ba từ sau cùng thì xưa hơn, ngay cả trong các tác phẩm đầu thế kỷ 19 cũng đã thấy hiện diện rất là lác đác. Ngay trong *Làm Vua Không Ấn* ba từ này mỗi thứ cũng chỉ xuất hiện duy nhất một lần. Ngoài những từ xưa, trong tác phẩm còn có những cách nói xưa, ta tuy có thể suy đoán được, nhưng từ lâu trong các nói ngoài đời cũng như trong văn viết đã biến mất như *mới bằng* (mới được, mới xong), *bởi về* (tại vì)...

Các chữ xưa, các cách nói xưa trong *Làm Vua Không Ấn* không nhiều nhưng có mặt. Sự xưa đó không xưa bằng với tác phẩm của Nguyễn Trãi, của Đào Duy Từ. Chữ *thời/ thì* lúc vẫn với chữ có âm cuối *oi* lúc vẫn với âm cuối *i* khiến tôi tin chắc rằng ngày xưa chữ này được đọc theo một âm ở giữa *thời* và *thì*, chữ *nguyên/nguon*, chữ *duyên/duon* cũng vậy. Những âm ở giữa này vì chữ quốc ngữ không có cách viết nên mỗi người viết mỗi cách, theo lỗ tai mình, cuối cùng tạo ra trường hợp viết /nói khác nhau của một số từ ở trong Nam với các vùng khác của đất nước. Cả ba cặp chữ nói trên kéo theo sáu chữ vẫn, mà sự giải thích dễ dãi nhất là *vẫn chánh* và *vẫn thông*, cho ta xác nhận rằng tác phẩm chỉ mới xuất hiện năm Nhâm Thìn 1892 nghĩa là thời khoảng giọng Nam

mới có mặt và bắt đầu tách ra khỏi giọng Bắc, không phải năm Nhâm Thìn 1832 thời thắng thế của một giọng Bắc vì lưu dân vào Nam vừa mới định cư, chưa ổn cư, chưa chịu ảnh hưởng nhiều của người Tàu, người Miên của vùng đất mới.

Về tác giả thì chắc chắn là người Nam, có thể khi viết ông đã cao tuổi, bằng có là sự hiện diện của một số từ có thể gọi là cổ. Có thể ông sanh ra thời Thiệu Trị, Tự Đức vì chữ cả tay, nẩy chức, làm song là mấy chữ xuất hiện nhiều thời các chúa Nguyễn. Chữ *tân truyện* có trong nhan đề khiến chúng ta càng chắc chắn hơn sự chính xác của giả thuyết đây là truyện viết lại từ một tác phẩm đã có trước mà nhiều khả thể là của truyện kể văn xuôi Trung quốc như trường hợp *Định Tình Nhân* 定情人 sanh ra *Song Tinh Bất Dạ*

□星不夜 của Nguyễn Hữu Hào.

Ba chi tiết thuộc về văn hóa có thể tìm thấy trong truyện Mã Thành, xin đưa ra với sự giải thích mà tôi nghĩ cần được kiểm chứng của học giả thuộc ngành xã hội học, như chúng học vì đây là tài liệu duy nhất trong sáng tác phẩm, nói về ba chuyện này.

a. Vua khi lên ngôi ít nhất phải được 12 tuổi, nếu dưới 12 thì triều đình làm *lễ dâng tuổi*, nghĩa là lễ tuyên bố tăng số tuổi của vua lên đến 12. Trong truyện, khi Hoàng tử lên ngôi thì chỉ mới nên mười. Triều đình đã *Dâng tuổi hoàng tử vậy thì mười hai/Đặng lên kế trị lâu dài*. Tiếc thay tác giả không mô tả chi tiết về lễ dâng tuổi này, có thể đây là tục lệ của Trung Hoa và sách vở Trung Hoa chắc có nói về sự kiện trên mà tôi không biết¹...

b. Một người có hai vợ, tên gọi các bà vợ này không phải là vợ chánh, vợ thứ, bà cả, bà hai mà là Thứ Hai cho người đầu, Thứ Ba cho người kế tiếp. *Thứ Hai kính lại tôi không dám từ.... Công nương ta định cương thường Thứ Ba*. Điều này có liên quan gì đến cách gọi các con cái trong nhà của người Nam: thằng/con Hai cho đứa đầu, thằng/con Ba cho đứa kế?

Hai sự kiện này chúng tôi không thấy trong xã hội Việt Nam, vậy thì càng chắc chắn hơn truyện này là phiên bản của một truyện Trung quốc. Các lý chứng khác về việc này ta có thể kể: cái nhan đề có chữ *tân truyện*, nghĩa là một truyện xưa được viết lại (thường người ta hiểu là khắc lại). Chuyện xưa có thể ở Việt Nam, nhưng

¹ Giáo Sư Đàm Quang Hưng có cho tôi biết bên Trung Hoa có *tục dâng tuổi vua* vào Tết Nguyên Đán hay vào ngày sinh nhật vua. Nhưng đây lại là một trường hợp khác, không phải là chuyện lên ngôi lúc còn trẻ. Lên ngôi phải mười hai cho nên chắc không phải là sự trùng hợp khi thơ Dương Ngọc có câu : *Vua lên chánh trị tuổi vừa mười hai*.

thường là ở Trung quốc. Hình thức nguyên thủy của nó là văn xuôi hay văn kể truyện truyền khẩu trong dân chúng khó mà biết, nhưng tôi tin là từ một bản văn xuôi vì hình thức truyền miệng ngoài sự giới hạn của ngôn ngữ còn có giới hạn địa lý cho nên xác suất về khả năng nó du nhập vào Việt Nam rất nhỏ. Nguyên các tên nhân vật Mã Thành, Loan Yên, Hón Vân, Mai Trinh, Vân Phi, Trịnh Oai, Trịnh Hồ, Trịnh Hòa... là những tên, họ rất ít thấy ở Việt Nam..

Về phương diện chữ Nôm thì quyển Thơ Mã Thành có vài lỗi lầm trong sự khắc như lộn vị trí hai chữ kế nhau² - Điều này cũng bình thường vì người ngoại quốc chỉ biết mặt chữ không hiểu nghĩa mà khắc sai ít là chuyện quá tốt rồi- Có khi lộn nguyên cả hàng này sang hàng nọ. Những trường hợp khám phá ra được sự lộn lộn này khi phiên âm tôi đều sửa lại, với ghi chú về tình trạng của nguyên bản. Nguyên tắc *nghi dĩ truyền nghi* tôi tạm không áp dụng đối với những trường hợp mình chắc chắn đó là sai lầm, bởi vì cứ truyền nghi hoài thì không biết đến bao giờ mới tái lập lại nguyên bản theo ý tác giả.

Cách viết chữ Nôm nói chung *để đọc* vì là chữ của thế kỷ 19, phần nhiều là giả tá, chữ tân tạo thì là loại hài thanh với bộ chỉ ý... Các từ đôi thường dùng làm trạng từ kiểu như eo sèo, eo óc, xao xác, hững hờ, lơ lửng, man mác... hay những tiếng tượng thanh, tượng hình vốn rất khó phiên âm hầu như không có mặt. Điều đặc biệt là sự hiện diện gần như tuyệt đối của Nôm Nam – và đây là *điều khó khăn cho người đọc ngày nay* rất nhiều -- với những chữ vắng (về) □[đã được dùng bằng]>vấn 問 (dài), than van 嘆 □> than vang 嘆榮, hang □>han □(hỏi)... dục 欲> giục 逐,giải 解> dãi □,bịnh rịnh 病令> bịn rịn □練 ,lài 萊> loài □(lạc), tức tưới 即載> 必載 tất tưới, nan thoát □脫> nang thát 囊□,bang 邦> ban 頒,chở 渚> trở □, thiết chì 鉄鉞> thiết chùy 鉄鎚, khăng 康> □ khăn, thuyết đãi 說待> thiết đãi 設待. giàu giàu □□> dầu 油油,kiên 堅> kiêng 惊,tín 信> tính 併, đàn □>đàng 塘, chàng 扌> tràn 溱,quảng 廣>quân 管

Chữ sai: lâu □(thành số 数), tác 索 (thành tố 素), trở 阻 (thành thử 咀), Nhu/Nho 攸 (thành du 攸), mẫu 母 thành vô 母,

² Trong bản khắc Nôm *Sãi Vãi* do Bửu Hoa Các phát hành có trường hợp *lộn hai chữ* ở hai hàng lân cận đến hai lần!

Nhiều khi một chữ chỉ sai một thành phần thôi, chẳng hạn: *Văn* 往 phần chữ *chủ* 主 bị sai thành *sanh* 生, *mẹ* 嫫 phần chữ *mỹ* 美 sai thành *ngĩa* 𠂔, *chạy* 𠂔 phần chữ *trãi* 𠂔 bị sai thành phần trong của chữ *toại* 遂, *trẻ* 𠂔 phần chữ *thiếu* 少 sai thành *làm* 𠂔, *nay* 𠂔 phần chữ *ni* 尼 sai thành *ba* 巴,

Đó là chưa kể những câu, chữ khắc lộn vị trí mà chúng tôi thỉnh thoảng ghi ra trong phần chú thích...

Như đã xác định ở trên, đây là một tác phẩm xưa, phần văn chương tinh luyện tài hoa thì không có, ngay cả phần in khắc cũng rất là đơn giản tùy tiện, nhưng nó đã có mặt trong nền văn chương Việt hơn gần hai thế kỷ trước như món ăn tinh thần của người thời đó cho đến gần đây. Khảo sát nó, biết thêm về nó, tôi nghĩ không phải là hoàn toàn vô ích, mà còn là chuyện cần thiết phải làm. Nói cho công bình, tác phẩm được đề ý đến nhiều, phổ thông khắp nước như *Lục Vân Tiên* phần văn chương, ý tưởng cũng đâu phải là trội...

Nguyễn Văn Sâm
Texas, Sept. 2007